

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Thư ký phiên họp: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 49/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

Bà Vàng Thị N, sinh năm 1959, địa chỉ: Bản M, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Trang Thị Q, sinh ngày: 26/12/1990.

Địa chỉ: Bản M, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt;

- Anh Bùi Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện B tỉnh Hà Nam, vắng mặt;

- Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Minh Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là bà Vàng Thị N trình bày:

Chị Trang Thị Q là con gái của bà Vàng Thị N. Chị Q và anh Bùi Văn T đã kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh

Lai Châu vào ngày 18 tháng 02 năm 2011. Chị Q và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chị Q và anh T đã sống ly thân từ khoảng năm 2013 đến nay và không còn yêu thương nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Khoảng năm 2018, bà N và chị Q được biết khi anh T kết hôn với chị Q thì anh T đã có vợ, có đăng ký kết hôn ở xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam mà chưa ly hôn. Chị Q hiện nay bận đi làm, thỉnh thoảng mới về nhà, chỉ thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, chị Q cũng mong muốn Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Q và anh T. Để chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T do việc kết hôn đã vi phạm các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, bà N đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Q và anh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 18/02/2011 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu cấp. Ngoài ra, bà N không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án đã tổng đạt thông báo giải quyết việc dân sự và các văn bản tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, triệu tập đối với chị Q, anh T nhưng chị Q, anh T không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Nậm Xe đề nghị Tòa án giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Q và anh T đúng theo quy định của pháp luật, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ như sau:

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N: Khi Ủy ban nhân dân xã N làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị Q và anh T thì cán bộ tư pháp xã đã yêu cầu anh T cung cấp giấy tờ tùy thân và giấy tờ về tình trạng hôn nhân của anh T nhưng anh T không cung cấp được. Do lúc đó anh T nói anh không mang theo giấy tờ tùy thân và anh sẽ xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã A để gửi lên sau. Anh nhờ Ủy ban nhân dân xã N tạo điều kiện giúp đỡ, làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh và chị Q. Cán bộ tư pháp xã đã đồng ý giúp đỡ theo đề nghị của anh T và khi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N thì cán bộ tư pháp xã chỉ căn cứ vào lời khai của anh T để viết thông tin cá nhân của anh T chứ không có bất kỳ giấy tờ, tài liệu nào khác nên dẫn đến việc Ủy ban nhân dân xã N đăng ký kết hôn cho chị Q và anh T đã vi phạm quy định về việc cấm kết hôn cho người đang có vợ hoặc có chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Tại sổ theo dõi đăng ký kết hôn của xã N có ghi thông tin vào ngày 18/02/2011, chị Trang Thị Q đăng ký kết hôn với anh Bùi Văn T, sinh ngày 01/01/1979, số chứng minh nhân dân: 168209038, địa chỉ: xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Theo công văn số 01/UBND, ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam về trả lời xác minh hộ tịch và kết quả xác minh của Tòa án tại xã A: Anh Bùi Văn T, sinh tháng 10 năm 1979, địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam có tình trạng hôn nhân như sau: Ngày 23/01/2003, anh Bùi Văn T có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, là người cùng quê với anh T. Ngày 25/11/2014, anh T và chị

Thom được Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam giải quyết cho ly hôn. Ngày 28/01/2015, anh Bùi Văn T lại đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 18/5/1979, quê quán: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang. Hiện nay, anh T đang chung sống với chị H tại thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1945, địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam, là mẹ đẻ của anh Bùi Văn T: Anh T sinh vào khoảng cuối năm 1978 Âm lịch. Trong các giấy tờ tùy thân của anh T đều ghi anh T sinh tháng 10 năm 1979. Gia đình biết anh T có thời gian đi làm tại huyện P, tỉnh Lai Châu, trong thời gian đó, anh T đã yêu chị Q và có 01 con chung với chị Q. Anh T có đưa chị Q và con về quê của anh T sống cùng anh T được một thời gian, sau đó, chị Q lại đưa con lên Lai Châu, không sống cùng anh T ở quê nữa. Hiện nay, anh T bận đi làm nên không về nhà. Anh T đã được bà Đ cho biết việc Tòa án đang giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Q và anh T. Bà Đ và anh T đều nhất trí đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Q và anh T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã N đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Trang Thị Q và anh Bùi Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ áp dụng khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 186, 361, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 10, 11, 12, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu của bà Vàng Thị N về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Trang Thị Q và anh Bùi Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 18/2/2011 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu. Về lệ phí Tòa án: Bà Vàng Thị N là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Tòa án miễn nộp tiền lệ phí Tòa án cho bà N theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên họp, Tòa án nhân huyện Phong Thổ nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Vàng Thị N là mẹ đẻ của chị Trang Thị Q nên bà N có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trang Thị Q và anh Bùi Văn T theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Bà Vàng Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trang Thị Q và anh Bùi Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 18/02/2011 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu cấp. Đây là yêu cầu về hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên họp, người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã N có đơn xin vắng mặt tại phiên họp, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Trang Thị Q và anh Bùi Văn T đã được Tòa án thông báo phiên họp theo đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung việc dân sự: Chị Trang Thị Q và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu vào ngày 18 tháng 02 năm 2011. Chị Q và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chị Q và anh T đã sống ly thân từ khoảng năm 2013 đến nay và không còn yêu thương nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay, chị Q và anh T đều không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm đến nhau và muốn Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Q và anh T. Khi đăng ký kết hôn với chị Q thì anh T không cho chị Q biết việc anh T đang có vợ, có đăng ký kết hôn ở xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam mà chưa ly hôn. Như vậy, anh T đã lừa dối chị Q về tình trạng hôn nhân của mình. Việc anh T và chị Q đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 02 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Nậm X, huyện P, tỉnh Lai Châu đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 là việc kết hôn do nam, nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được lừa dối bên nào và cấm kết hôn trong trường hợp người đang có vợ hoặc có chồng.

Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 11, Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ xét thấy cần chấp nhận đơn yêu cầu của bà Vàng Thị N về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Trang Thị Q và anh Bùi Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 18/2/2011 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Vàng Thị N là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 186, 361, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 10, 11, 12, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Vàng Thị N. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trang Thị Q và anh Bùi Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 18/2/2011 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Vàng Thị N được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Hạnh